

# VẤN ĐỀ TIẾP NHẬN CHỦ NGHĨA HIỆN ĐẠI CỦA VŨ TRỌNG PHỤNG

KIỀU THANH UYÊN<sup>(\*)</sup>

## 1. Bối cảnh tiếp nhận chủ nghĩa hiện đại của văn học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX

Đầu thế kỷ XX, xã hội Việt Nam phân hóa sâu sắc. Nhà nghiên cứu Hà Minh Đức trong bài viết *Vũ Trọng Phụng và xã hội Việt Nam thời hiện đại* cho rằng: “Xã hội Việt Nam thời kỳ hiện đại bộc lộ nhiều mâu thuẫn giai cấp, giữa phong kiến và tư sản và vô sản và tình trạng phân hóa của các tầng lớp trung lưu”<sup>(1)</sup>. Quá trình khai thác thuộc địa, sự phát triển của nền kinh tế thị trường thúc đẩy hình thành những đô thị và gia tăng dân cư ở các đô thị lớn. Chẳng hạn như năm 1874, Hải Phòng trở thành đô thị thứ hai ở Bắc kỳ với 70 nghìn cư dân và hàng loạt những công ty, công xưởng như công ty điện, xưởng đóng tàu, nhà máy xi măng, nhà máy thủy tinh, nhà máy rượu với 40 nghìn công nhân. Theo đó số liệu thống kê của nhà nghiên cứu Peter Zinoman trong công trình *Nền cộng hòa thuộc địa Việt Nam: Tâm nhìn chính trị của Vũ Trọng Phụng*, dân số ở các đô thị cũng tăng lên nhanh chóng, từ 50 nghìn dân vào những năm 1880 lên đến 80 nghìn dân vào đầu thế kỷ XX và lên đến 200 nghìn dân vào năm 1940. Bên cạnh số dân nhập cư từ những đồng bằng đồng đúc hoặc bị tước đoạt đất đai, Hà Nội vẫn tăng dân số đều đặn bao gồm cả bốn đến năm nghìn người Trung Quốc và một số lượng tương đương người Pháp. Số cư dân tăng nhanh gây sức ép lên cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng đủ nhu cầu ở các đô thị Việt Nam. Hơn nữa, tuy các đô thị ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX có những bước phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng nhưng vẫn chưa cân đối giữa cơ sở hạ tầng và nhu cầu xã hội, giữa đời sống vật chất và sinh hoạt tinh thần, giữa tiếp nhận văn minh và giữ gìn bản sắc văn hóa. Nhà nghiên cứu Lộc Phương Thủy trong

---

<sup>(\*)</sup> Th.S. - Khoa Ngữ văn và Văn hóa học, Trường Đại học Đà Lạt.

bài nghiên cứu *Tổng quan về sự tiếp thu tư tưởng văn nghệ Âu – Mỹ vào Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX* cho rằng: “Cuộc sống thành thị đã kéo theo sự xuất hiện của những nghề nghiệp mới cùng với những nhân vật mới trong xã hội và dần dần sẽ xuất hiện trong văn học, đó là những thông ngôn, ký lục, người làm nghề thầu khoán, nghề in, nghề báo, nghề nhà văn, nghề buôn bán, môi giới, v.v... Khái niệm “thị dân” xuất hiện gắn liền với những gương mặt mới của một chế độ thực dân nửa phong kiến. Phần nhiều trong số họ là những người nông dân thoát khỏi lũy tre làng nhập vào đội quân kiếm sống theo lối mới ở các thành thị: từ công nhân các hầm mỏ đến những anh bồi, con sen, những người buôn thúng bán mẹt, những “me tây”<sup>(2)</sup>.

Bên cạnh đó, do chịu ảnh hưởng trực tiếp từ Pháp, Việt Nam còn tiếp thu nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật và trào lưu tư tưởng, văn hóa từ phương Tây. Đó là một điều kiện quan trọng của tiến trình hiện đại hóa xã hội và văn học ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX. Do những đặc điểm của đô thị Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX, tầng lớp thị dân có xu hướng chạy theo những phong trào Âu hóa về mặt hình thức một cách tràn lan chứ chưa có đủ ý thức để tiếp nhận một cách triệt để. Hơn nữa, Âu hóa hay Tây hóa chỉ mới dừng lại ở mức độ mô phỏng, sao chép bề ngoài chứ chưa tiếp cận bản chất tinh thần hiện đại ở phương Tây. Do vậy, trong một lần trả lời phỏng vấn trên báo *Bắc Hà*, số 1 ra ngày 01/4/1937, nhà văn Vũ Trọng Phụng cũng cho rằng, xã hội đô thị Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX là một xã hội mục nát, hệ quả của phong trào Âu hóa: “Cái xã hội hiện thời là cái xã hội đang mục nát (une société en decomposition) một cái xã hội chưa có trong lịch sử của ta. Nghĩ đến xã hội, tôi có cảm tưởng như đang đứng trong một bầu không khí sặc sụa những mùi mục nát. Bây giờ là cái lúc mà những người có thể lực, có nhiều tiền, sống chỉ để hưởng lấy những sự dâm dục; chắc ông đã từng thấy những nhà trọc phú đã năm bảy vợ mà còn đi làm những sự bậy bạ như ông Nghị Hách của tôi, ấy là chưa kể những cuộc thâu đêm suốt sáng ở những cao lầu từ điểm. Thanh niên xứ ta bây giờ thì phần nhiều, tôi nói phần nhiều, chỉ thấy trước mắt có sự chơi; họ không thể làm được việc gì nặng nhọc nữa, phải ngồi suy nghĩ, nặn óc thì họ không chịu được; họ chỉ tưởng đến những việc đi dạo phố, đi nháy đăm, đi hát, đi xem chiếu bóng”<sup>(3)</sup>.

Với chính sách đồng hóa và hòa hợp, nhà nước bảo hộ thực dân Pháp còn tiến hành thiết lập hệ thống giáo dục Pháp – Việt với chương trình đào tạo song song cả tiếng Pháp và tiếng Việt – chữ Quốc ngữ. Hệ thống trường học Pháp – Việt thúc đẩy sự phát triển, tư duy duy lý, khoa học và quyền công dân trong xã

hội hiện đại. Số học sinh ở các trường học theo chương trình Pháp – Việt từ năm 1920 đến năm 1938, tăng từ 125.688 đến 287.037 học sinh, đặc biệt tăng mạnh ở các đô thị lớn. Theo nhà nghiên cứu Peter Zinoman trong *Nền cộng hòa thuộc địa Việt Nam: Tầm nhìn chính trị của Vũ Trọng Phụng*: “Kết quả là, số lượng tốt nghiệp ít nhưng được đào tạo bản thân trong văn chương và báo chí Pháp nên trở thành sẵn sàng cho sự phát triển của sách báo và nhà sách và sự lưu thông sách báo ở đô thị”<sup>(4)</sup>. Do đó, nền giáo dục Pháp – Việt cũng góp phần không nhỏ vào quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX bởi vì đã tạo ra một thế hệ trí thức Tây học vừa biết cả tiếng Pháp và tiếng Việt. Điều này giúp thuận lợi trong việc tiếp thu trực tiếp các trào lưu tư tưởng phương Tây mà không cần qua trung gian như Trung Quốc, Nhật Bản.

Những biến đổi của chính trị, xã hội và kinh tế có tác động lớn đến nền văn học Việt Nam đương thời. Lúc này, nền văn học Việt Nam đã xác định học tập mẫu hình văn học phương Tây, sử dụng chữ Quốc ngữ và gắn bó với hiện thực đời sống. Hơn nữa với những yếu tố hậu thuẫn thị trường văn học, tòa soạn, nhà in, nhà xuất bản, văn học Việt Nam hội đủ những điều kiện cần thiết của một nền văn học hiện đại. Ngoài ra, yếu tố đóng vai trò quan trọng nhất là thế hệ trí thức Tây học được đào tạo từ hệ thống giáo dục Pháp – Việt. Đây vừa là lực lượng tiên phong tiếp nhận trào lưu, tư tưởng phương Tây, vừa là lực lượng đảm nhiệm canh tân nền văn học Việt Nam, tức là lực lượng sáng tác. Hầu hết, mặc dù có trình độ học vấn khác nhau nhưng các nhà văn, nhà thơ đều được hưởng thụ nền giáo dục bản xứ bằng tiếng Pháp do thực dân thiết lập. Với trình độ tiếng Pháp và chữ Quốc ngữ đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp nhận, dịch các sách báo ở phương Tây cũng như cập nhật các trào lưu tư tưởng hiện đại ở phương Tây. Cho nên, văn học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX cùng lúc tiếp nhận nhiều trào lưu tư tưởng của toàn bộ tiến trình văn học phương Tây. Nhà nghiên cứu Lộc Phương Thủy trong bài nghiên cứu khẳng định rằng: “Những viên gạch đầu tiên của tòa nhà canh tân học thuật dần dần được xây dựng. Các hình thức sinh hoạt văn học tuy khác nhau về chính trị, động cơ, về cách thức hoạt động trong những thời điểm khác nhau, nhưng không gian khác nhau nhưng dường như đều gặp nhau ở mong muốn nâng cao dân trí, hướng về những tư tưởng, kiến thức phương Tây, “cái tư tưởng của Thái Tây” để thu nhận những gì hợp với mình. Cùng lúc tồn tại những sản phẩm văn học bằng chữ Nho, bằng tiếng Pháp, nhưng dần dần nhiều nhất là bằng chữ quốc ngữ, bởi đó là “chiếc cầu tiện lợi bắc sang Tây phương để cho người mình chuyên chở

thâu thái những kiến thức học vấn Tây phương qua những phương cách dịch thuật, phiên âm, đồng hóa” (Phạm Thế Ngũ)<sup>(5)</sup>.

Cuối cùng việc mở rộng giao lưu với thế giới làm cho văn học Việt Nam đa dạng các khuynh hướng văn học, đồng thời tạo môi trường văn học đa màu sắc, cá tính và sôi nổi trong bối cảnh nửa đầu thế kỷ XX. Đó là mẫu hình của nền văn học hiện đại mà nhà nghiên cứu Trần Đình Sử trong bài nghiên cứu *Cuộc gặp gỡ Đông Tây và cơ duyên tiến bộ của văn học các nước Đông Á (Qua thực tiễn văn học Trung Quốc và Việt Nam)* phác thảo: “Hình thái văn học mới – hiện đại là văn học có tính thế giới, thể hiện ở sự giao lưu Đông Tây rộng rãi, không còn đóng khung trong khu vực mặc dù giao lưu Đông Á trong thời đại mới có một ý nghĩa khác hẳn với giao lưu Đông Á thời trước, làm cầu nối ra thế giới. Hình thái văn học mới thích ứng với trạng thái tri thức mới và tư duy mới mà nền sản xuất tư bản chủ nghĩa đã phát minh từ thời Phục hưng, gần nhất là từ giữa thế kỷ XVII đến thế kỷ XX: chủ nghĩa lý tính, khoa học, chủ nghĩa cá nhân, thuyết tiến hóa, tư tưởng nhân quyền và dân quyền, tư tưởng dân chủ, tư tưởng tự do, kinh tế học, xã hội học, luật học, ngôn ngữ logic,... Các thứ chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tượng trưng,... là hiện tượng văn học – con đẻ của hệ hình tri thức mới, tư duy mới, tình cảm mới”<sup>(6)</sup>.

Ở khía cạnh khác, nền kinh tế thị trường còn là chất xúc tác nền văn học phát triển với sự xuất hiện của thị trường văn học, tòa soạn, nhà xuất bản, nhà in. Theo số liệu thống kê của nhà nghiên cứu Peter Zinoman, số ấn phẩm định kỳ ở An Nam, gồm cả Bắc kỳ và Nam kỳ, năm 1922 là 96 đến năm 1925 là 121 và năm 1929 là 153. Mặc dù, khủng hoảng kinh tế thế giới năm 1929 – 1930, nhưng số lượng các ấn phẩm định kỳ vẫn tăng, năm 1931 là 167 đến năm 1935 là 267. Theo đó, số lượng người đọc cũng tăng nhanh chóng, từ năm 1936 đến năm 1939, trong chín tờ báo Quốc ngữ lớn đã có hơn 80 nghìn người đọc, chưa kể các bản sao in và truyền tay. Sự phát triển của các nhà xuất bản, tòa soạn và nhà in tạo nên không khí sôi nổi của hoạt động sáng tác và tiếp nhận trong bối cảnh xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX. Số lượng lớn các tờ báo hàng tuần, hàng ngày đã góp phần quan trọng thúc đẩy quá trình hiện đại hóa của văn học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX. Các cuộc tranh luận về các vấn đề như *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh, dâm hay không dâm trong tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng diễn ra sôi nổi, thú vị với những ý kiến tranh luận, trao đổi đa chiều mang tính học thuật. Điều này không chỉ góp phần định hình nền văn học trong quá trình hiện đại hóa mà còn tìm

kiếm những hình thức, tư tưởng nghệ thuật mới, phù hợp với thể trạng của văn học Việt Nam trong bối cảnh hiện đại hóa nửa đầu thế kỷ XX. Mặc dù vẫn chịu sự kiểm duyệt của nhà nước bảo hộ nhưng các cuộc tranh luận, bút chiến các vấn đề xã hội và văn học vẫn là những sự kiện thu hút sự quan tâm của công chúng và chứng tỏ mức độ ảnh hưởng của văn học đến đời sống xã hội.

## 2. Quan niệm nhân sinh của Vũ Trọng Phụng và tinh thần của chủ nghĩa hiện đại phương Tây

Môi trường sinh sống của Vũ Trọng Phụng hoàn toàn ở đô thị, mà còn là một đô thị tiêu biểu với đầy đủ các đặc trưng của đô thị Việt Nam lúc bấy giờ, do đó, ít nhiều quan điểm, tư tưởng của Vũ Trọng Phụng hình thành và chịu ảnh hưởng từ môi trường sinh sống. Hơn nữa, thời đại mà Vũ Trọng Phụng sinh trưởng (1912 – 1939) là thời đại của những biến chuyển lớn của chính trị và xã hội Việt Nam. Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp chính thức thiết lập chế độ cai trị ở Việt Nam, còn gọi là chính sách khai hóa và bảo hộ. Nhà nước bảo hộ mẫu quốc Pháp thực hiện hàng loạt những cải cách từ chính trị đến xã hội như khuyến khích phát triển kinh tế như công nghiệp xuất khẩu lúa gạo, hình thành kinh tế hàng hóa, ban hành các chính sách thu thuế. Vì thế, cơ sở hạ tầng ở Bắc Kỳ có những biến đổi cho đến cuối chiến tranh thế giới lần thứ Nhất như hệ thống điện, khí ga, nước sạch được cung cấp ở các thành phố lớn và trang bị hệ thống đèn đường. Ngoài ra còn có hệ thống ga tàu lửa, dinh thự cho chính phủ, nhà hát, xây dựng hàng loạt các cây cầu và mở rộng cả hệ thống nhà tù. Từ đó, môi trường đô thị nửa đầu thế kỷ XX ở Việt Nam hình thành với những tác động tích cực như góp phần hiện đại hóa và đô thị hóa xã hội. Tuy nhiên, môi trường đô thị Việt Nam phát triển số lượng cư dân quá nhanh do nhập cư từ các vùng quê gây sức ép cho cơ sở hạ tầng ở đô thị, buộc một bộ phận cư dân phải sống chui rúc trong các khu dân cư nhỏ, hẹp, tù túng và điều kiện sinh hoạt hạn chế. Gia đình Vũ Trọng Phụng là một trường hợp tiêu biểu của dân nhập cư sống ở đô thị Hà Nội ở đường Hàng Bạc trong khu 36 phố phường. Hơn nữa, nền kinh tế thị trường vừa mới hình thành cùng với các mối quan hệ kinh tế tư bản càng làm gia tăng khoảng cách giữa tầng lớp giàu và nghèo, nảy sinh các mâu thuẫn giữa chủ và người làm thuê. Vì vậy mà nhà nghiên cứu Peter Zinoman trong *Nền cộng hòa thuộc địa Việt Nam: Tầm nhìn chính trị của Vũ Trọng Phụng*, cho rằng: “Quan điểm của Vũ Trọng Phụng dựa trên nguồn gốc Hà Nội là cảm giác mãnh liệt và hoàn toàn tiêu cực. Ông ấy tự khắc họa nó như một đô thị thuộc địa ngoại lai bị làm phiền bởi sự phân tán xã hội, sự buôn bán

đàn độn, phân biệt chủng tộc, tầng lớp bóc lột, đổ vỡ chính trị, và sự xuống cấp đạo đức<sup>(7)</sup>. Sinh sống trong môi trường đô thị và chứng kiến những biến đổi hàng ngày trước tác động của những yếu tố khách quan và chủ quan, bên ngoài và bên trong, tích cực và tiêu cực, Vũ Trọng Phụng đã bộc lộ thái độ phản ứng cũng như tâm trạng bi quan, lo âu. Do vậy, đôi khi Vũ Trọng Phụng cay nghiệt và khất khe trước những hiện tượng Âu hóa, Tây hóa và kinh tế thị trường của xã hội Việt Nam đương thời. Đây cũng là một trong những tâm trạng chung của những nhà văn hiện đại chủ nghĩa. Do vậy, nhà nghiên cứu Peter Zinoman trong bài nghiên cứu *Số đỏ của Vũ Trọng Phụng và chủ nghĩa hiện đại ở Việt Nam* cho rằng: “Việc Vũ Trọng Phụng bắt đầu nghiệp văn trong một thời kỳ được đánh dấu bằng sự thương mại hóa của báo chí Đông Dương đã góp phần vào tri giác hiện đại trong tác phẩm của ông. Logic thị trường kích thích giá trị hiện đại chủ nghĩa trong tính độc đáo và sáng tạo. Nhưng nó cũng buộc Phụng phải chịu đựng sự độc đoán của dư luận và thị hiếu của tầng lớp trung lưu, điều này đến lượt chúng ta lại gây ra các biểu lộ hoài nghi, bị khủng bố và bất lực – những thái độ tiêu biểu của lớp người tiên phong (avant-garde) đang đứng mũi chịu sào<sup>(8)</sup>. Vì thế mà quan điểm, tư tưởng của Vũ Trọng Phụng đi lệch khỏi quỹ đạo của tinh thần của xã hội Âu hóa ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX.

Trong bài viết *Đề đáp lời báo Ngày nay: Dám hay không dám?* trên tờ *Tương lai*, số 9, ngày 25/3/1937 Vũ Trọng Phụng đã khẳng định lập trường, quan điểm và thái độ trước hiện thực đời sống: “Riêng tôi, xã hội này, tôi chỉ thấy là khốn nạn: quan tham lại những, đàn bà hư hỏng, đàn ông dâm bôn, một tội văn sĩ đầu cơ xảo quyết, mà cái xa hoa chơi bời của bọn giàu thì thật là những câu chửi rủa vào cái xã hội dân quê, thợ thuyền làm than, bị bóc lột. Lạc quan được, cho đời là vui, là không cần cải cách, cho cái xã hội chó đẩu này là hay ho tốt đẹp, rồi ngồi mà đánh phấn bôi môi hình quả tím để đi đua ngựa, chợ phiên, khiêu vũ, theo ý tôi, thế là giả dối, tự mình lừa mình và đi họa cho đời, nếu không là vô liêm sỉ một cách thành thực<sup>(9)</sup>.”

Hơn nữa, tác phẩm của Vũ Trọng Phụng chủ yếu khắc họa đời sống đô thị, có thể nói là thuộc dòng tiểu thuyết đô thị (urban novel) của chủ nghĩa hiện đại. Theo đó, Vũ Trọng Phụng khai thác mối quan hệ kinh tế giữa các tầng lớp, sự tha hóa của dân nhập cư từ nông thôn lên đô thị, những màn kịch đạo đức giả, hiện tượng hàng hóa hóa mọi giá trị từ vật chất đến tinh thần trong xã hội kinh tế thị trường, tiêu thụ hàng hóa. Có thể nói, từ môi trường đô thị, Vũ Trọng Phụng đã dần dần hình thành tư tưởng ban đầu của những nhà hiện đại chủ nghĩa tuy còn chưa rõ ràng.

Mặc dù, có thể thấy, Vũ Trọng Phụng khá bi quan về hiện thực đời sống đương thời và phần nào bảo thủ trước cái mới. Thực ra, Vũ Trọng Phụng lại là con người duy tân, cấp tiến và khá cởi mở với văn hóa phương Tây. Bằng chứng là Vũ Trọng Phụng tiếp nhận nhiều trào lưu tư tưởng văn hóa, lý thuyết văn học và dịch nhiều tác phẩm văn học phương Tây. Bên cạnh đó, Vũ Trọng Phụng còn đọc hầu hết các tiểu thuyết cũng như báo chí, phê bình và khoa học xã hội bằng tiếng Pháp. Bao gồm, từ các vở kịch cổ điển của Corneille, Racine, Moliere; đến các tiểu thuyết lãng mạn của Hugo, Rousseau, Goethe, Lamartine, Musset và Chateaubriand; tiểu thuyết hiện thực và tự nhiên chủ nghĩa của Zola, Maupassant, Roland và Alphonse Daudet; và cả tiểu thuyết hiện đại chủ nghĩa của Proust, Gide, Malraux. Đặc biệt, Vũ Trọng Phụng còn dịch tác phẩm của văn học phương Tây như vở kịch *Giết mẹ (Lucrece Borgia)* của Hugo, truyện ngắn *Diên (Fou)* của Maupassant. Hơn nữa, trong các tác phẩm của Vũ Trọng Phụng cũng không đề cao những quy phạm, khuôn mẫu vô lý ràng buộc con người của ý thức hệ phong kiến, chẳng hạn như môn đăng hộ đối (*Dứt tình*). Nhưng Vũ Trọng Phụng cũng không cổ súy cho những hiện tượng Âu hóa đơn thuần về mặt hình thức làm xuống cấp đạo đức, nhân cách làm tha hóa biến chất con người và phủ nhận toàn bộ các giá trị văn hóa truyền thống. Suy cho cùng, Vũ Trọng Phụng chịu ảnh hưởng khá rõ ràng tư tưởng chủ nghĩa hiện đại. Đó là vừa muốn chối từ những quy phạm truyền thống lại vừa muốn định hình lại những giá trị xuống cấp trong xã hội hiện đại hóa. Trong một cuộc phỏng vấn của Lê Thanh trên báo *Bắc Hà*, số 1, ngày 01/4/1937, Vũ Trọng Phụng cũng khẳng định: “Cái bổn phận của bạn làng vẫn là giữ cho xã hội đừng mất thế quân bình chứ không phải là bảo thủ để coi phụ nữ như nô lệ, cũng không phải là giải phóng để mà coi những cái hư hỏng của phụ nữ là những cái cử động thần thánh, thiêng liêng. Chúng ta phải bài trừ cái gì là quá đáng, mặc dầu ở văn phái nào cũng vậy”<sup>(10)</sup>.

Tiếp theo, là một nhà văn nhưng cũng là một người dân của một đất nước thuộc địa, Vũ Trọng Phụng mang tâm trạng bi quan và yếu thế trước thế lực văn hóa phương Tây mạnh mẽ. Hơn nữa còn là nỗi sợ hãi bị nuốt chửng về mặt văn hóa, tức là bản sắc văn hóa của Việt Nam bị biến mất hoàn toàn trước thế lực văn hóa phương Tây. Do đó, trong tác phẩm của Vũ Trọng Phụng là hồi chuông cảnh báo sự bá quyền (hegemony) của văn hóa phương Tây. Ở đây, ngoài tâm lý của một người dân thuộc địa yếu thế, Vũ Trọng Phụng còn chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa hiện đại. Bởi vì, nhà nghiên cứu Phương Lựu trong *Lý thuyết văn*

học hậu hiện đại cho rằng, “Chủ nghĩa hiện đại chôn chứa những lo âu và bất an, nghĩa là vẫn hàm chứa cái chiều sâu là sự nỗ lực tự vệ cho bản thân”<sup>(11)</sup>. Rộng hơn, Vũ Trọng Phụng còn cảnh báo về tình trạng con người bị tê liệt trong xã hội Âu hóa, tức là không còn khả năng tra vấn và ý thức về tình trạng của bản thân. Từ đó xã hội Việt Nam dần đánh mất bản sắc văn hóa và không chỉ là thuộc địa về mặt chính trị mà còn về văn hóa. Vì vậy, Vũ Trọng Phụng không phản đối đổi mới hay Âu hóa mà phản đối cách thức, phương thức, con đường Âu hóa của xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX. Cho nên, khi trả lời phỏng vấn của Lê Thanh trên báo *Bắc Hà*, Vũ Trọng Phụng đã khẳng định rằng: “Tôi muốn đi ngược cái phong trào Âu hóa bằng hình thức mà các ông bên Tự Lực văn đoàn chủ trương mấy năm nay. Các ông ấy bảo “tiến về hình thức đã rồi mới tiến về tinh thần”, các ông ấy cho rằng sự tiến hóa về hình thức “chạy” thì sự tiến hóa về tinh thần cũng theo sự tiến hóa trước mà “lọt”. Các ông ấy dạy người ta tiến về hình thức, các ông ấy đặt ra những kiểu áo mới, các ông ấy dạy người ta đánh phấn bôi môi... Bây giờ công việc Âu hóa của các ông ấy đã có kết quả; những sự dâm dăng hiện thời phần do những kết quả ấy gây nên”<sup>(12)</sup>.

Cuối cùng, cần lưu ý rằng, Vũ Trọng Phụng phản ánh những mặt trái, mặt tối của xã hội không có nghĩa là bôi đen, nói xấu. Cũng như, Vũ Trọng Phụng mô tả về tính dục hay nạn mại dâm, không có nghĩa Vũ Trọng Phụng cổ súy hay khiêu dâm. Thực ra, với tầm nhìn của người trí thức, mục đích của Vũ Trọng Phụng là chỉ ra cái xấu, mặt tối của xã hội để tìm kiếm những cách thức, định hướng con đường duy tân. Theo đó, nhà nghiên cứu Hà Minh Đức trong bài nghiên cứu *Vũ Trọng Phụng và xã hội Việt Nam thời hiện đại* cũng cho rằng: “Vũ Trọng Phụng khai thác chủ yếu ở các bình diện văn hóa, đạo đức sinh hoạt đô thị. Thực chất Âu hóa không chỉ thu hẹp ở ảnh hưởng trực tiếp của Pháp mà rộng ra là cả quá trình tiếp xúc và đổi thay của xã hội Việt Nam với Âu Tây, tiếp nhận phần tiến bộ và không tránh khỏi những ảnh hưởng có tính chất nô dịch hóa trong hoàn cảnh của một xứ sở thuộc địa. Vũ Trọng Phụng e ngại song ông có cái nhìn khá thực tế với vấn đề Âu hóa. Ông xem đó như quy luật phát triển tất yếu của xã hội thời hiện đại”<sup>(13)</sup>.

### 3. Khả năng tiếp nhận chủ nghĩa hiện đại của Vũ Trọng Phụng

Mặc dù du nhập vào môi trường khác phương Tây về nhiều mặt nhưng chủ nghĩa hiện đại trong văn học Việt Nam vẫn giữ được tinh thần cơ bản của chủ nghĩa hiện đại phương Tây. Những phân tích ở trên về điều kiện khách quan và yếu tố chủ quan cho thấy, trước hết, môi trường sinh sống và sáng tác của Vũ



Trọng Phụng là môi trường lý tưởng cho chủ nghĩa hiện đại bắt rễ cũng như chứng tỏ sức ảnh hưởng của nó, đó là môi trường đô thị, kinh tế hàng hóa, phát triển của khoa học kỹ thuật và hiện đại hóa văn học. Đồng thời, những quan niệm và tư tưởng của Vũ Trọng Phụng qua các tác phẩm cũng như thái độ qua các bài tranh luận trên các tờ báo đương thời chứng tỏ sự trùng khớp với tinh thần của chủ nghĩa hiện đại. Đó là tâm trạng bi quan, lo âu trước sự xuống cấp của các giá trị văn hóa truyền thống, đạo đức và bản sắc văn hóa; tinh thần vừa tiếp thu và tìm kiếm cái mới vừa níu kéo những chuẩn mực truyền thống trong xã hội và văn học. Vì thế mà nhà nghiên cứu Peter Zinoman trong bài *Số đỏ của Vũ Trọng Phụng và chủ nghĩa hiện đại Việt Nam* cũng khẳng định rằng, tri giác hiện đại chủ nghĩa của Vũ Trọng Phụng hình thành từ môi trường xã hội và bối cảnh sinh sống của nhà văn: “Là một nhà văn hiện đại chủ nghĩa tiên phong, không phải ngẫu nhiên mà cuộc đời ngắn ngủi của Vũ Trọng Phụng lại trùng khớp với thời kỳ hiện đại hóa về chính trị, kinh tế và xã hội sôi nổi nhất ở thuộc địa Đông Dương. Ngoài việc sống qua những thời kỳ thịnh vượng, những cao trào bạo lực chống thực dân gia tăng, cuộc khủng hoảng và thắng lợi của Mặt trận Bình dân, Phụng còn trải qua những thay đổi căn bản về giáo dục và ngôn ngữ trong những năm đầu thập niên, sự phát triển nhanh chóng của kinh doanh tư bản về ần loát và những phong tục tập quán Tây Âu ồ ạt tràn vào xã hội Việt Nam. Cũng không có gì lạ khi khối lượng tác phẩm phi thường của ông được sáng tác tại trung tâm Hà Nội, cái nôi cổ truyền của văn minh Việt Nam nơi chủ nghĩa tư bản và hệ thống hành chính thuộc địa biến đổi nhanh chóng thành một thủ phủ náo nhiệt. Thật vậy, những thăng trầm đầy xáo động trong cuộc đời ngắn ngủi của Phụng, những thời đoạn bấp bênh và môi trường tạm thời mở ra một cửa sổ cho thấy nguồn gốc của tri giác hiện đại chủ nghĩa mang tính canh tân trong *Số đỏ*”<sup>(14)</sup>.

Đối với Vũ Trọng Phụng, một hiện tượng độc đáo của văn học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX. Có thể thấy, cả những yếu tố khách quan và chủ quan đã kết hợp để tạo nên phong cách và cá tính sáng tạo của Vũ Trọng Phụng. Theo đó, Vũ Trọng Phụng đã tiếp nhận các trào lưu văn học hiện đại trong văn xuôi như chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự nhiên và chủ nghĩa hiện đại. Trong bối cảnh văn học Việt Nam giai đoạn 1930 – 1945, các trào lưu tư tưởng phương Tây du nhập gần như tương đồng về mặt thời gian, do đó, Vũ Trọng Phụng gần như tiếp thu gần như đồng thời từ chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự nhiên và chủ nghĩa hiện đại. Hơn nữa, kết hợp với những yếu tố chủ quan, chúng tôi thấy

rằng, trào lưu hiện đại chủ nghĩa phù hợp với quan niệm, tư tưởng và cá tính của Vũ Trọng Phụng. Và Vũ Trọng Phụng sẵn sàng và có chủ đích khi tiếp nhận chủ nghĩa hiện đại chứ không phải là sự gượng ép, bị động. Tuy nhiên, yếu tố hiện đại chủ nghĩa trong tác phẩm của Vũ Trọng Phụng phải dung hòa cùng với các yếu tố của chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự nhiên tạo nên chính thể tác phẩm. Do vậy, đôi khi, yếu tố chủ nghĩa hiện đại cũng bị mờ nhạt, lẩn át trước những yếu tố chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự nhiên do những điều kiện khách quan của bối cảnh văn học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX. Cho nên, có thể thấy, yếu tố chủ nghĩa hiện đại lúc đậm lúc nhạt trong mỗi tác phẩm của Vũ Trọng Phụng. Hơn nữa, Vũ Trọng Phụng chưa sử dụng nhuần nhuyễn các kỹ thuật và thủ pháp của chủ nghĩa hiện đại. Đây là điều đáng tiếc khi mà Vũ Trọng Phụng chưa có đủ thời gian tiếp nhận cũng như vận dụng chủ nghĩa hiện đại một cách sâu sắc hơn□

(1), (13) Hà Minh Đức: “Vũ Trọng Phụng và xã hội Việt Nam thời hiện đại”, trong *Bản sắc hiện đại trong các tác phẩm Vũ Trọng Phụng* (Hà Minh Đức chủ biên), Nxb. Văn học, H., 2003, tr.7,,8.

(2), (5) Lộc Phương Thủy: “Tổng quan về sự tiếp thu tư tưởng văn nghệ Âu - Mỹ vào Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX”, trong *Tiếp nhận tư tưởng văn nghệ nước ngoài - Kinh nghiệm Việt Nam thời hiện đại* (La Khắc Hoà, Lộc Phương Thủy, Huỳnh Như Phương đồng chủ biên), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015, tr. 14, 62.

(3), (10), (12) Lê Thanh: “Chúng tôi phỏng vấn ông Vũ Trọng Phụng về những tiểu thuyết *Giông tố*, *Làm đĩ*”; dẫn theo Lại Nguyên Ân: *Nghiên cứu văn bản tiểu thuyết Giông tố*, Nxb. Tri thức, H., 2007, tr. 659, 665, 660.

(4), (7) Peter Zinoman: *Vietnamese colonial Republican The political vision of Vũ Trọng Phụng*, University of California Press, Berkely, 2015, tr 25, 19.

(6) Trần Đình Sử: “Cuộc gặp gỡ Đông Tây và cơ duyên tiến bộ của văn học các nước Đông Á (Qua thực tiễn văn học Trung Quốc và Việt Nam)”, trong *Văn học cận đại Đông Á từ góc nhìn so sánh* (Đoàn Lê Giang chủ biên), Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh, 2011, tr. 28-29.

(8), (14) Peter Zinoman: “*Số đỏ của Vũ Trọng Phụng và chủ nghĩa hiện đại Việt Nam*”, Tạp chí *Văn học*, số 7/2001, tr. 57, 45.

(9) Vũ Trọng Phụng: “Đề đáp lời báo Ngày nay: Dâm hay không dâm?”, dẫn theo Lại Nguyên Ân: *Nghiên cứu văn bản tiểu thuyết Giông tố*, tr. 656.

(11) Phương Lưu: *Lý thuyết văn học hậu hiện đại*, Nxb. Đại học Sư phạm, H., 2001, tr.97.